

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HC-ST

Ngày: 24/4/2019

V/v: “*khởi kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đậu Khắc Dinh;
2. Ông Phạm Văn Huân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/HCST ngày 08/1/2018 về việc khởi kiện: “*Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST- HC ngày 16/11/2018 giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Lý Thị Q, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Khu 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình H- Chủ tịch UBND huyện T.

Người đại diện theo ủy Quyền: Ông Lê Huy H1 - Phó chủ tịch UBND huyện T(Văn bản ủy Quyền số 640/UQ-UBND ngày 23/5/2018 của Chủ tịch UBND huyện T).

3. Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND thị trấn T, huyện T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn H3- Chủ tịch UBND thị trấn T.

3.2. Ông Nguyễn Anh T

Địa chỉ: Số 20 đường 1 P, phường S, TP H

3.3. Ông Đỗ Xuân N

Địa chỉ: Thôn Hải Tân, xã Thọ Hải, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3.4. Ông Lê Công D và chị Lê Thị T

Địa chỉ: SN 265, Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Lê Thị T ủy Quyền cho ông Lê Công D đại diện tham gia tố tụng

Tại phiên tòa, có mặt người khởi kiện và người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Công D. Vắng mặt đại diện UBND huyện T và đại diện UBND thị trấn T, ông Đỗ Xuân N và ông Nguyễn Anh T.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2017 và quá trình giải Quyết tại Tòa án bà Lý Thị Q trình bày:

Nguồn gốc đất của bố bà ông Lý Đình S mua năm 1993 với diện tích 100m² trên trục đường L gần cầu 3/2 thuộc khu 7 thị trấn T. Đến năm 2007 ông Lý Đình S được UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất số AM 983795, tờ bản đồ số 36 thửa số 06 ngày 22/3/2007.

Theo giấy cấp đất ban đầu cho ông S, ranh giới thửa đất như sau: Phía Đông giáp ruộng; Phía Tây giáp đường giao thông (đường 3/2); Phía N giáp nhà ông Dưỡng; Phía Bắc giáp nhà ông V. Lúc mua toàn bộ khu đất bố bà mua chỉ là bãi

đất trống, nên khi được nhận Giấy CNQSD đất ông S không biết bị cấp sai vị trí như đo đạc ban đầu vào năm 1993.

Tháng 6/2014, gia đình ông S nhận được thông báo của UBND Thị trấn huyện T thông báo thừa đất của ông nằm trong vị trí sát mô cầu 3/2 (thuộc hành lang cầu) theo Q định không được phép xây dựng. Lúc này mới phát hiện thừa đất được cấp GCNQSD đất sai vị trí đất được cấp ban đầu. Ông S già yếu, nên bà Q là con gái ông S đã 4 lần đơn khiếu nại gửi lên UBND thị trấn T đề nghị kiểm tra lại. Sau đó UBND thị trấn T đã có văn bản trả lời là nhầm lẫn trong việc xác định ranh giới, đề nghị gửi đơn lên UBND huyện giải Quyết. Sau đó bà Q đã 02 lần gửi đơn đề nghị lên UBND huyện T nhưng UBND huyện vẫn không giải Quyết.

Vào tháng 5/2017, bà Q đã gửi đơn đến UBND tỉnh Thanh Hóa. Ngày 28/6/2017, UBND huyện T đã có Công văn số 810/UBND-TNMT báo cáo UBND tỉnh về việc giải Quyết đơn của ông Lý Đình Svới nội dung: Theo bản đồ địa chính năm 1999 thì thừa đất của ông S là thửa số 06, tờ bản đồ số 36 đã được Cấp giấy CNQSD đất là đúng. Bà Q không đồng ý với Công văn này bởi vì : Đất nhà bà không đúng vị trí mà bố bà được cấp ban đầu năm 1993. Căn cứ vào giáp ranh thì thừa đất nhà bà phải nằm tại thửa số 15, còn hộ ông T phải nằm tại thửa số 18.

Năm 6/2017 ông Smát, bà Q là người thừa kế duy nhất của ông Lý Đình S. Vì vậy, ngày 21/9/2017 bà Q khởi kiện ra Tòa án yêu cầu:

- Hủy Công văn số 810/UBND-TNMT ngày 28/6/2017 của UBND huyện T báo cáo chủ tịch UBND tỉnh về việc giải Quyết đơn khiếu nại của ông Lý Đình S

- Hủy Giấy CNQSD đất mang tên ông Lý Đình Stại thừa đất số 6, tờ bản đồ số 36 được UBND huyện T cấp ngày 22/3/2007 và cấp lại Giấy CNQSD đất theo giấy chứng nhận cấp đất ở số 18 năm 1993.

** Tại văn bản ý kiến và quá trình giải Quyết tại Tòa án, người đại diện theo ủy Quyền của Chủ tịch UBND huyện T trình bày:*

Bà Q khởi kiện yêu cầu: Hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng Q đất do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Lý Đình Snăm 2007.

Theo bản đồ địa chính năm 1999, thửa đất của ông Lý Đình S nằm tại vị trí thửa số 6, tờ bản đồ số 36; Các biên bản giao đất năm 1993 của các hộ khu vực cầu 3/2 có nhiều điểm không chính xác như: Một thửa đất giao cho 2 hộ cùng một biên bản hoặc một thửa đất đã giao trùng cho 02 nhà... không thể căn cứ vào Biên bản giao đất để xác định vị trí sử dụng đất của các hộ”

Ông S đã có khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện T, nhưng UBND huyện T vẫn chưa giải Quyết khiếu nại. Sau đó gia đình ông S tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã có Công văn số 6552/UBND-TD chuyển đơn và chỉ đạo giải Quyết khiếu nại của ông Lý Đình S. Ngày 28/6/2017 UBND huyện T đã có Công văn số 810/UBND-TNMT báo cáo về việc giải Quyết đơn của ông Lý Đình S.

Tại buổi thẩm định tại chỗ ngày 16/01/2019, Ủy ban nhân dân huyện T thừa nhận việc cấp giấy chứng nhận Qền sử dụng đất năm 2007 cho ông Lý Đình Slà chưa chính xác vị trí đất, không phù hợp với vị trí, ranh giới của Giấy chứng nhận cấp đất ở năm 1993.

Quan điểm của UBND huyện T: Đề nghị Tòa giải Quyết vụ án theo Q định của pháp luật.

**Tại Văn bản ý kiến số 490/UBND-TNMT ngày 20/6/2018 và quá trình giải Quyết tại Tòa án, đại diện theo ủy Qền của Chủ tịch UBND thị trấn T trình bày:*

Thống nhất với quan điểm của UBND huyện T. Việc cấp giấy chứng nhận Qền sử dụng đất năm 2007 cho ông Lý Đình Slà không trùng khớp với giấy chứng nhận cấp đất ở của Ủy ban nhân dân thị trấn T năm 1993. Đề nghị Tòa xem xét giải Quyết theo Q định của pháp luật.

** Tại bản tự khai và quá trình giải Quyết tại Tòa án, chị Lê Thị T và ông Lê Công D trình bày:*

Ông có mua một thửa đất của ông Đỗ Xuân N và bà Nguyễn Thị Ng thửa đất số 3, tờ bản đồ số 36 địa chỉ khu 7, thị trấn T diện tích 100m², giá trên 1 tỷ đồng. Trước khi bán cho ông D, bà T. Trên đất có 01 móng nhà, ông N có trao đổi khi xây dựng nhà ông đã báo cáo với Ủy ban nhân dân thị trấn T để xây dựng nhà ở, và cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân thị trấn T đã tiến hành đo đạc, bàn giao đất cho ông xây dựng nhà. Nhưng khi xây dựng xong phần móng Ủy ban nhân dân thị trấn T đã có đơn đề nghị ông N dừng việc xây dựng vì có đơn tranh chấp của gia đình bà Q. Tuy nhiên quá trình chờ đợi rất lâu mà không được giải Quyết nên ông N đã bán lại thửa đất cho gia đình ông để vào Miền N sinh sống, vì đất đang có tranh chấp với hộ bà Q nên chưa lập hợp đồng mua bán và chưa được sang tên, đổi chủ.

Do bận công việc ông D cho con gái là chị Lê Thị T vào miền N gặp ông N, Ông N đã làm giấy ủy Quyền cho chị T được toàn Quyền sử dụng, tặng cho, thế chấp thửa đất (hợp đồng ủy Quyền được làm vào ngày 01/8/2018 tại Văn Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đắk Nông).

Ông đề nghị các cấp chính Quyền và Tòa án nhân dân nhanh chóng xác minh và làm rõ thửa đất gia đình ông đã mua của ông N vị trí nào là chính xác để gia đình tiến hành xây dựng nhà ở.

Trong quá trình giải Quyết vụ án mặc dù Tòa án đã thông báo thụ lý, gửi giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhiều lần cho ông Nguyễn Anh T và ông Đỗ Xuân N, nhưng hai ông không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người khởi kiện giữ nguyên các nội dung khởi kiện.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức đối thoại, Quyết định đưa vụ

án ra xét xử cho đến tại phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đảm bảo đúng các Quyền, nghĩa vụ tố tụng theo Q định của Luật Tố tụng hành chính (viết tắt Luật TTHC).

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật TTHC: Chấp nhận yêu cầu hủy công văn số 810 của UBND huyện T và yêu cầu hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp cho ông Lý Đình S năm 2007; Buộc đương sự chịu án phí hành chính sơ thẩm theo Nghị Quyết 326 của UBTV Quốc hội khóa 14 Q định về án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người đại diện của người bị kiện (Chủ tịch và UBND huyện T), đại diện của người có Quyền và nghĩa vụ liên quan (UBND thị trấn T) vắng mặt tại phiên tòa và đã có yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Anh T và ông Đỗ Xuân N (người có Quyền và nghĩa vụ liên quan) đã được thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 157; khoản 1, khoản 3 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm Quyền giải Quyết, Quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

2.1. *Về đối tượng khởi kiện, thẩm Quyền giải Quyết:* Công văn số 810/Uỷ ban nhân dân-TNMT ngày 28/6/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện T là công văn của UBND huyện T gửi Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa để báo cáo về việc giải Quyết khiếu nại của hộ ông Lý Đình S theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Tuy xét về hình thức đây không phải là Quyết định giải Quyết khiếu nại, nhưng nội dung công văn số 810 có giải trình về quá trình cấp đất cho ông Lý Đình S và nêu quan điểm của UBND huyện về việc khiếu nại của ông Lý Đình S, phần nơi nhận có

gửi công văn này cho người khiếu nại là ông Lý Đình S. Xét về nội dung thì công văn số 810 được coi là Quyết định giải Quyết khiếu nại đối với ông S. Như vậy, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AM 983795 của ông Lý Đình S được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/3/2007 và Công văn số 810/Ủy ban nhân dân-TNMT ngày 28/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T là Quyết định hành chính của cơ quan và người có thẩm quyền về đất đai, có liên quan đến Quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà Lý Thị Q (ông Lý Đình S đã mất, bà Lý Thị Q là người thừa kế duy nhất), thuộc thẩm quyền giải Quyết của TAND tỉnh Thanh Hóa theo khoản 4 Điều 32 Luật TTHC.

2.2. Về Quyền khởi kiện: Năm 2017 ông Lý Đình S đã có đơn khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận sai vị trí đất như giấy chứng nhận cấp đất ở năm 1993 cho ông. Ngày 28/6/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã có công văn số 810/UBND- TNMT về việc giải Quyết đơn của ông Lý Đình S, TT T. Do ông S đã mất ngày 12/6/2017, bà Lý Thị Q là người thừa kế duy nhất của ông S, nên bà Q có Quyền khởi kiện đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và UBND huyện T là phù hợp pháp luật.

2.3. Về thời hiệu khởi kiện: Công văn số 810/Ủy ban nhân dân-TNMT của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành ngày 28/6/2017. Ngày 22/9/2017 bà Lý Thị Q đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Đồng thời vì xác định công văn 810 là Quyết định giải Quyết khiếu nại đối với việc cấp GCNQSD đất của ông Lý Đình S, nên căn cứ vào Điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật TTHC yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Q về yêu cầu hủy công văn 810 của Chủ tịch UBND huyện T và GCNQSD đất cấp cho ông S của UBND huyện T vẫn còn thời hiệu để xem xét.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

3.1. Xét yêu cầu Hủy Công văn số 810/UBND-TNMT ngày 28/6/2017 của UBND huyện T báo cáo chủ tịch UBND tỉnh về việc giải Quyết đơn của ông Lý Đình S:

Giấy chứng nhận Qền sử dụng đất cấp cho ông Lý Đình Svào năm 2007 có vị trí thửa đất nằm tại thửa đất số 6 tờ bản đồ số 36, địa chỉ: Khu 7 thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 99m².

Tại biên bản thẩm định ngày 16/1/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa vị trí đất tại thửa số 06, tờ bản đồ số 36 địa chỉ: Khu 7 thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có các vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông: Tiếp giáp đất nông nghiệp; Phía Tây: Giáp đường L; Phía Bắc: Giáp hộ ông Trịnh Đức Tr (mua lại của ông Trịnh Đình Th); Phía N: Giáp nhà ông Lê Quý H.

Tuy nhiên, tại Giấy chứng nhận cấp đất ở số 18 cho ông Lý Đình Svào ngày 04/12/1993 thửa đất ông Scó các vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông: Tiếp giáp bờ ruộng; Phía Tây: Giáp đường giao thông 3/2; Phía Bắc: Giáp gia đình ông Dưỡng; Phía N: Giáp gia đình ông V.

Tại Biên bản thẩm định ngày 16/01/2019 Hội đồng thẩm định đã đối chiếu các giấy chứng nhận cấp đất ở năm 1993 của Ủy ban nhân dân thị trấn T thì vị trí tiếp giáp đất nhà ông Lý Đình Slà các Biên bản giao đất số 15,16,17,18 là phù hợp.

Như vậy các vị trí tiếp giáp đất tại Giấy chứng nhận cấp đất ở cho ông Lý Đình Svào ngày 04/12/1993 thửa đất ông Svà các vị trí tiếp giáp trong giấy chứng nhận Qền sử dụng đất cấp cho ông Lý Đình Slà không trùng khớp với nhau.

Tại biên bản thẩm định đại diện UBND huyện T cũng thừa nhận việc cấp chứng nhận Qền sử dụng đất cho anh Nguyễn Thanh T và ông Lý Đình Sđúng theo sơ đồ địa chính năm 1998, nhưng lại sai với giấy chứng nhận cấp đất ở năm 1993 (Hai vị trí đảo ngược và cấp GCNQSD đất nhầm vào vị trí của nhau).

Hơn nữa tại Công văn số 810/UBND-TNMT Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T cũng đã xác định “Theo giấy giao đất của hộ ông Lý Đình Snăm 1993: Lô đất ghi rõ: phía N giáp nhà ông Dưỡng, phía Bắc giáp nhà ông V. Hiện nay thửa đất trên đã cấp cho người khác.” Trong công văn đã nêu: Thửa đất của hộ ông Lý Đình S được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có “Vị trí thửa đất không trùng với biên bản giao đất năm 1993”.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã trả lời ông Lý Đình S: Theo bản đồ địa chính năm 1999, thửa đất của ông Lý Đình Snăm tại vị trí thửa số 6, tờ bản đồ số 36; Và “Các biên bản giao đất năm 1993 của các hộ khu vực cầu 3/2 có nhiều điểm không chính xác như: Một thửa đất giao cho 2 hộ cùng một biên bản hoặc một thửa đất đã giao trùng cho 02 nhà...không thể căn cứ vào Biên bản giao đất để xác định vị trí sử dụng đất của các hộ” Việc trả lời của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T là không đúng bởi vì: Khi tiến hành lập bản đồ địa chính năm 1999 UBND huyện T phải căn cứ vào sơ đồ cấp đất ở năm 1993 của các hộ làm cơ sở cho việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, bởi giấy chứng nhận cấp đất ở năm 1993 là cơ sở pháp lý để thiết lập bản đồ (giấy chứng nhận cấp đất ở có trước thời điểm lập bản đồ địa chính). Mặt khác khi rà soát cấp giấy chứng nhận cho các hộ, Ủy ban nhân dân huyện T phải có trách nhiệm xác định lại nguồn gốc đất, vị trí đất chứ không thể chỉ căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1999 để cấp giấy chứng nhận cho các hộ trong đó có hộ ông Lý Đình S, đến khi ông S có đơn khiếu nại lại trả lời là không căn cứ vào Giấy chứng nhận đất ở năm 1993 mà chỉ căn cứ vào hồ sơ địa chính năm 1999 để cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là không thỏa đáng, ảnh hưởng đến Quyền lợi của công dân..

Vì vậy, bà Q khởi kiện yêu cầu Hủy Công văn số 810/UBND-TNMT ngày 28/6/2017 của UBND huyện T báo cáo chủ tịch UBND tỉnh về việc giải Quyết đơn của ông Lý Đình S là có căn cứ chấp nhận

3.2. Xét yêu cầu Hủy Giấy CNQSD đất mang tên ông Lý Đình Stại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 36 được UBND huyện T cấp ngày 22/3/2007.

Mặc dù GCNQSD đất cấp cho ông Lý Đình Snăm 2007 đã hết thời hiệu khởi kiện, nhưng Công văn 810/UBND-TNMT của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã giải Qết việc khiếu nại của ông Lý Đình Svề việc cấp giấy chứng nhận cho ông Lý Đình Sở khu 7, thị trấn T không đúng vị trí, diện tích đất được cấp năm 1993 và đã báo cáo kết quả Qết với Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy cho nên yêu cầu hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của ông Lý Đình Sđã được phục hồi thời hiệu và được xem xét theo Q định của pháp luật.

Trong quá trình lập hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Lý Đình Svào năm 2007, Ủy ban nhân dân huyện T trình bày chỉ căn cứ vào hồ sơ địa chính năm 1999. Chứ không căn cứ, không xác minh, thẩm định nguồn gốc sử dụng đất , không căn cứ vào Giấy chứng nhận cấp đất ở năm 1993 của ông Lý Đình S, không có bản vẽ hiện trạng đất, không có bản kê khai của người sử dụng đất. Vì thế dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Lý Đình Ssai vị trí, cấp nhầm vào thửa đất của người khác. Điều này đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo Quy định tại Luật đất đai và thông tư 346 hướng dẫn thủ tục cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

Vì những lý do trên, bà Q khởi kiện yêu cầu Hủy Giấy CNQSD đất mang tên ông Lý Đình Stại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 36 được UBND huyện T cấp ngày 22/3/2007 có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Chủ tịch UBND và UBND huyện T bị hủy Quyết định hành chính, do đó UBND huyện T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, bà Q được trả lại tiền tạm ứng án phí hành chính theo Q định.

Vì các lẽ trên,

QẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 2 Điều 157; khoản 1, khoản 3 Điều 158; Khoản 4 Điều 32; Điểm a khoản 3 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Mục I.2 Phần I Thông tư 346 ngày 16/3/1999 hướng dẫn thủ tục Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất; Khoản 1 Điều 204 Luật đất đai; Khoản 2 Điều 32 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lý Thị Q:

1.1. Hủy Công văn số 810/UBND-TNMT ngày 28/6/2017 của UBND huyện T báo cáo chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Giải Quyết đơn của ông Lý Đình S”.

1.2. Hủy Giấy CNQSD đất mang tên ông Lý Đình Stại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 36 được UBND huyện T cấp ngày 22/3/2007.

1.3. Buộc UBND huyện T cấp lại GCNQSD đất cho người thừa kế của ông Lý Đình Stheo đúng vị trí đất như Giấy chứng nhận cấp đất ở năm 1993 của UBND thị trấn T cấp cho ông S.

2. Về án phí: Buộc UBND huyện T phải nộp 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm. Bà Lý Thị Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 000455 ngày 04/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có mặt được Qên kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt được Qên kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

-TAND cấp cao tại Hà Nội;
-VKSND tỉnh T.Hóa;
-Cục THADS tỉnh T.Hóa;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Dung

